

Số: /2025/QĐ-UBND Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn
vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số
89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi
dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy,
nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP
ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công
chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2814/TTr-SNV ngày
30 tháng 9 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi
dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và trách nhiệm đối với giảng viên kiêm chức tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình;

c) Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đã được cử đi đào tạo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ trước khi sáp nhập tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Khoản 2 điều này và các văn bản có hiệu lực tại thời điểm cử đi đào tạo cho đến khi hoàn thành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Các Hội cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và khoản 2 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Những nội dung liên quan không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng gồm:
 - Cán bộ trong các cơ quan Nhà nước;
 - Công chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã.
 - Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
 - Các đối tượng thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác (nếu có).

2. Lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh mà không phải là giảng viên (sau đây gọi là người được mời thỉnh giảng).

3. Quy chế này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan lực lượng vũ trang; công chức, viên chức các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị không hưởng ngân sách địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức,

viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

2. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức phải được đánh giá theo quy định; kết quả học tập phải gắn với đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và là căn cứ xem xét bố trí, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm.

5. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng hình thức xã hội hóa hoặc ngoài giờ hành chính để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn vị trí việc làm.

6. Bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, hiệu quả.

7. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong các trường hợp:

- a) Đang tham gia khóa học tập trung khác;
- b) Đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử;
- c) Viên chức bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; viên chức bị kỷ luật bằng hình thức cách chức trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

Điều 4. Nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Việc đào tạo cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. Ưu tiên đào tạo các lĩnh vực: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số và các ngành nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

b) Nội dung bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: Lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

2. Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng

Sử dụng phối hợp các phương pháp đào tạo, bồi dưỡng tích cực nhằm phát huy tính tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học cụ thể:

- a) Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thảo luận, thực hành;

b) Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa giảng viên và học viên, giữa các học viên với nhau;

c) Gắn đào tạo, bồi dưỡng với thực tiễn, chú trọng phương pháp giải quyết các tình huống;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ học tập trực tuyến, học liệu mở và mô phỏng tình huống.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, YÊU CẦU, QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 5. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo

1. Điều kiện cử đi đào tạo đại học

a) Cán bộ cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

b) Đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu của chương trình hợp tác.

2. Điều kiện cử đi đào tạo sau đại học

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học (tiến sĩ; thạc sĩ; chuyên khoa I, chuyên khoa II đối với ngành y tế) phải đảm bảo các điều kiện của cơ sở đào tạo, đồng thời đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đối với công chức: Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; có thời gian công tác đủ từ 03 năm trở lên và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo;

b) Đối với cán bộ: Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; có thời gian công tác đủ từ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

c) Đối với viên chức: Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có); có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động

nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

d) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu của chương trình hợp tác.

3. Trường hợp công chức, viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh đang học đại học, sau đại học thì phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian học tập cho công chức, viên chức nhưng việc học tập không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Toàn bộ kinh phí học tập do cá nhân tự chi trả.

Điều 6. Điều kiện, yêu cầu cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia các khóa bồi dưỡng khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu về phạm vi, đối tượng của chương trình bồi dưỡng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước cần đảm bảo các quy định:

a) Đối với công chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với cán bộ, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

- a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;
- b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;
- c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;
- d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

4. Trường hợp tự túc kinh phí và học ngoài giờ hành chính: Được công nhận kết quả đào tạo, bồi dưỡng để phục vụ cho đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 8. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với công chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

2. Đối với cán bộ, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng còn có trách nhiệm sau:

a) Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức báo cáo kết quả học tập và gửi bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp đào tạo trong nước phải kéo dài thời gian đào tạo, bồi dưỡng hoặc không thể hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm báo cáo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trước khi hết thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định gia hạn hoặc dừng tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Trường hợp không hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan, vi phạm quy chế đào tạo, bồi dưỡng hoặc không chấp hành đúng quyết định cử đi học mà không có lý do chính đáng thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

Chương III

KINH PHÍ VÀ TRÁCH NHIỆM ĐÈN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 9. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, của cán bộ, công chức, tài trợ của tổ chức, cá nhân hợp pháp trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

b) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo các

Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Đối với những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức phải học lại hoặc thi lại do kết quả học tập không đạt yêu cầu, cán bộ, công chức, viên chức phải tự chi trả những chi phí phát sinh do phải học lại hoặc thi lại.

Điều 10. Đền bù chi phí đào tạo

1. Đền bù chi phí đào tạo áp dụng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo:

a) Đối với công chức: Tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo; thực hiện hình thức kỷ luật buộc thôi việc theo quy định; Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành khoá đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bị kỷ luật buộc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với cán bộ, viên chức: Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; Đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại Khoản 1 hoặc điểm b, c Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

3. Chi phí đền bù; cách tính chi phí đền bù; điều kiện không phải đền bù; điều kiện được tính giảm chi phí đền bù.

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 7, Điều 8 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

4. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo

a) Giao Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù đối với cán bộ, công chức, viên chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo;

b) Giám đốc các sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý do cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo;

c) Nguyên tắc làm việc, thành phần Hội đồng, trình tự, thủ tục xét đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 11. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thống nhất theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý của cấp có thẩm quyền.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo giai đoạn

a) Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từng giai đoạn được Bộ Nội vụ ban hành, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chung của tỉnh (trong và ngoài nước, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn); tổ chức thực hiện và tổng hợp, báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định;

b) Căn cứ quy hoạch, chiến lược phát triển nhân lực theo các ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành Trung ương, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nhân lực của ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của năm kế tiếp (gồm chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo các nội dung, nhu cầu tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí thực hiện) gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 7;

b) Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Quản lý và tổ chức chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng

a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng

a) Chương trình, tài liệu được biên soạn phải phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn;

b) Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; tích hợp, lồng ghép các chương trình bồi dưỡng có nội dung tương đồng; không trùng lặp; tăng cường các nội dung, kiến thức mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với nhu cầu, yêu cầu và tình hình thực tế.

3. Tổ chức thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng

a) Người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị thành lập hoặc trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn;

b) Hội đồng thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 02 ủy viên kiêm phản biện và các ủy viên khác;

c) Các thành viên Hội đồng phải là những nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp và không phải là những người trực tiếp biên soạn chương trình, tài liệu được thẩm định;

d) Cuộc họp Hội đồng thẩm định được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng và thư ký Hội đồng không được vắng mặt;

đ) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định, hồ sơ thẩm định chương trình, tài liệu phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ gồm: Bản nhận xét, đánh giá và phiếu thẩm định của các ủy viên Hội đồng; biên bản họp thẩm định của Hội đồng, trong đó ghi rõ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng; biên bản kết quả kiểm phiếu; chương trình, tài liệu đã được Hội đồng thẩm định;

e) Căn cứ kết luận của Hội đồng, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành hoặc phê duyệt chương trình, tài liệu;

g) Kinh phí tổ chức thẩm định lấy từ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được dự toán trong kinh phí biên soạn chương trình, tài liệu.

4. Ban hành tài liệu bồi dưỡng

Người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị ký quyết định ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

5. Trách nhiệm trong quản lý và tổ chức chương trình, tài liệu bồi dưỡng

a) Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức bồi dưỡng có trách nhiệm: Tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng được giao; tổ chức thẩm định, phê duyệt tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn; Ban hành tài liệu bồi dưỡng theo thẩm quyền; hướng dẫn sử dụng tài liệu bồi dưỡng sau khi có quyết định ban hành;

b) Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số trước khi đưa vào sử dụng;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và phê duyệt các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ trường hợp các chương trình bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Điều 14. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với các hoạt động liên kết đào tạo ngoài ngân sách của các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh được tổ chức trên địa bàn tỉnh (theo đề nghị của Sở Nội vụ); việc liên kết đào tạo phải tuân thủ quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thẩm định đề nghị mở các lớp liên kết đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bằng nguồn ngân sách;

b) Các lớp bồi dưỡng ngoài ngân sách nhưng có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;

c) Nội dung thẩm định bao gồm: đối tượng, nhu cầu, chương trình, đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất.

3. Đối với các lớp bồi dưỡng từ nguồn ngân sách tỉnh đã được phê duyệt hàng năm, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì mở lớp phải xây dựng kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi mở lớp.

4. Các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đánh giá chất lượng bồi dưỡng.

a) Việc đánh giá thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Kết quả đánh giá là căn cứ để xem xét chất lượng cơ sở đào tạo, giảng viên, chương trình, tài liệu và làm cơ sở cho công tác thanh tra, kiểm tra, cũng như cho việc điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng những năm tiếp theo.

Điều 15. Trình tự cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng bằng ngân sách Nhà nước, kinh phí sự nghiệp

1. Đối với các trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học, đại học và tương đương, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo trình tự:

a) Thông báo công khai kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo (nếu có) và phê duyệt danh sách các cá nhân dự kiến cử đi đào tạo trong năm;

b) Trên cơ sở thông báo chỉ tiêu của cấp có thẩm quyền hoặc thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, xem xét quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia thi tuyển hoặc xét tuyển;

c) Sau khi có thông báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan có thẩm quyền, quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cử đi đào tạo.

2. Đối với các trường hợp được cử tham gia các khoá bồi dưỡng

a) Đối với các khoá bồi dưỡng có thông báo chỉ tiêu của cấp có thẩm quyền hoặc thông báo của cơ sở đào tạo:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thông báo công khai nội dung, chỉ tiêu của khóa học và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị theo kế hoạch; tổng hợp danh sách, tổ chức xét chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa bồi dưỡng hoặc lập danh sách đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cử tham gia khóa bồi dưỡng;

Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu của khóa bồi dưỡng cần cử đích danh cán bộ, công chức, viên chức đi học, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thông báo trực tiếp cho cá nhân và quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa bồi dưỡng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Đối với các khóa bồi dưỡng do cá nhân tự liên hệ

Trên cơ sở thông báo của cơ sở đào tạo bồi dưỡng, căn cứ vào kế hoạch, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị đã được công bố công khai và vị trí việc làm cụ thể, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức xem xét, quyết định việc cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa bồi dưỡng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 16. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo Quy định phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

a) Cán bộ thuộc khối đảng, đoàn thể: Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước: Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng lý luận chính trị: Thực hiện theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và theo quy định của các cơ sở đào tạo.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Sở Nội vụ phối hợp với Sở Ngoại vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

4. Giám đốc các Sở, thủ trưởng ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 17. Giảng viên

1. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: Giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; giảng viên kiêm nhiệm; người được mời thỉnh giảng.

2. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng và người được mời thỉnh giảng phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 34, Điều 35 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Người thỉnh giảng chủ động sắp xếp hợp lý công việc để dành thời gian tham gia giảng dạy theo giấy mời của cơ quan, đơn vị tổ chức lớp học.

4. Giảng viên, người được mời thỉnh giảng được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng nhằm cung cấp thông tin về mức độ nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức sau khi được bồi dưỡng.

2. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, trung thực.

3. Nội dung đánh giá chất lượng bồi dưỡng gồm:

- a) Đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng;
- b) Đánh giá chất lượng học viên tham gia khóa bồi dưỡng;
- c) Đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng;
- d) Đánh giá chất lượng cơ sở vật chất phục vụ khóa bồi dưỡng;
- đ) Đánh giá chất lượng khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- e) Đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

4. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng do cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức thực hiện hoặc thuê cơ quan đánh giá độc lập.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo ngành, lĩnh vực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và dự kiến kinh phí gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng và bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn sau khi được đào tạo, bồi dưỡng; giải quyết các chế độ chính sách đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

4. Xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác đáp ứng tiêu chuẩn chức danh trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động chuyên môn.

5. Đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt trách nhiệm khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Điều 10 của Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Chủ trì hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chịu trách nhiệm về nội dung theo quy định; thực hiện đánh giá chất lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng, kết quả đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Quản lý, sử dụng và thực hiện các thủ tục thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao hàng năm theo quy định của pháp luật.

8. Gắn nhiệm vụ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; kết quả đào tạo, bồi dưỡng với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

9. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định về chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài) bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn hợp pháp khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn tổ chức thực hiện và tổng hợp, báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bố trí, phân bổ kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

4. Thẩm định về đối tượng, số lớp, số học viên, hình thức, nội dung, thời gian đào tạo, bồi dưỡng; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí khác.

6. Trình cấp có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

7. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

8. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

9. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị gắn nhiệm vụ tham gia đào tạo, bồi dưỡng với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức.

10. Theo dõi, tổng hợp (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định kinh phí và lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định; kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật về ngân sách, tài chính.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

1. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm đúng đối tượng, mục tiêu, nội dung, chương trình và tiến độ, kể cả các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài ngân sách theo quy định.

2. Bảo đảm nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan và theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ động nghiên cứu, đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp đào tạo tiên tiến; nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số.

4. Tổ chức biên soạn, chỉnh lý, bổ sung tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý; tổ chức thẩm định, đề nghị phê duyệt tài liệu trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giảng viên, học viên sử dụng tài liệu đã được phê duyệt.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác về đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc có sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong tổ chức, quản lý, giảng dạy, học tập được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng được xem xét làm căn cứ đánh giá, phân loại chất lượng hằng năm.

3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng hoặc không thực hiện đúng trách nhiệm được giao thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; đồng thời phải bồi hoàn kinh phí (nếu gây thiệt hại).

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tiễn tại địa phương./.